

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2022/DS-ST

Ngày 28-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tiềm
2. Bà Bùi Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT tiến hành xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc, tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP KL**

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm H Thái, phường Vĩnh Thanh V, thành phố RG, tỉnh KG

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1980. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP KL – PGD Ô. Có mặt

2. Bị đơn:

- 2.1. Anh Phan H T, sinh năm 1978. Vắng mặt
- 2.2. Chị Lê Thị Hải Y, sinh năm 1991. Vắng mặt

Anh T và chị Y cùng địa chỉ: khu vực Thới T, phường TA, quận Ô, thành phố CT

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Ông Phan Văn T1, sinh năm 1951. Vắng mặt
- 3.2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1953. Vắng mặt
- 3.3. Chị Phan Thị Hữu H1, sinh năm 1982. Có mặt
- 3.4. Chị Phan Thị Tú A, sinh năm 1985. Có mặt

3.5. Anh Lê Văn C. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu vực Thới T, phường TA, quận Ô, thành phố CT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ, tình tiết có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nội dung nguyên đơn khởi kiện như sau:

Nguyên ngày 24/07/2015, anh Phan H T và chị Lê Thị Hải Y có vay vốn tại Ngân hàng KL theo Hợp đồng tín dụng số 159/15/HĐTD/0402-2419 ngày 23/07/2015 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 240.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

- Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Lãi suất: 12,06%/năm tính trên dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế.

Trong suốt thời gian vay lãi suất sẽ được thay đổi trong các trường hợp sau:

+ Sau mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên;

+ Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất cơ bản của loại tiền đang vay;

+ Khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất, mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay tăng lên.

+ Trong trường hợp thay đổi LSV thì LSV mới được tính như sau: lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/ lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 13 tháng của loại tiền đang vay, loại lãi cuối kỳ do Ngân hàng KL C bố tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 4,59%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Ngân hàng KL (cùng loại hình và phương thức vay).

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn.

- Phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 159/15/HĐTC-BDS/0402-2419 ngày 23/07/2015 được ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng KL với bên thế chấp là Ông Phan Văn T1 và Bà Trần Thị H, Hợp đồng thế chấp đã được C chứng tại Văn phòng C chứng Trung Tâm ngày 23/07/2015 và Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Ô theo đúng quy định của pháp luật ngày 23/07/2015. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất theo GCN số BI 274777, số vào sổ: CH02725, do UBND Quận Ô, TP CT cấp ngày 04/09/2012; Diện tích: 897m; Thửa đất số: 669, Tờ bản đồ số: 02; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu

năm; Tọa lạc tại địa chỉ: KV Thới T, phường TA, quận Ô, TP CT, chủ sở hữu là Hộ Ông Phan Văn T1. Quyền sử dụng đất theo GCN số BA 083353, số vào sổ: CH00070, do UBND Quận Ô, TP CT cấp ngày 13/01/2010; Diện tích: 238m²; Thửa đất số: 668, Tờ bản đồ số: 02; Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị, đất trồng cây lâu năm; Tọa lạc tại địa chỉ: KV Thới Trinh A, phường T A, quận Ô, TP CT, chủ sở hữu là Hộ Ông Phan Văn T1.

- Trong quá trình vay vốn anh T và chị Y chưa thanh toán bất kỳ khoản gốc, lãi nào cho Ngân hàng. Khi đến hạn thanh toán nợ Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và anh T và chị Y cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng anh vẫn chưa thanh toán tất nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Tạm tính đến ngày 12/04/2022, Ông Phan H T và Bà Lê Thị Hải Y còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể là: cụ
Khoản mục Hợp đồng tín dụng số 159/15/HĐTD/0402-2419 ngày 23/07/2015 Vốn gốc 240.000.000 đồng

Lãi trong hạn 44.580.613 đồng

Lãi quá hạn 243.236.281 đồng

Phạt chậm trả lãi 89.580.613 đồng

Tổng cộng 616.837.263 đồng (sáu trăm mười sáu triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi ba đồng)

Nay, Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu anh T và chị Y phải trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 12/04/2022 toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 29/9/2022 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất Phạt chậm trả lãi 89.580.613 đồng. Trường hợp sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà anh Phan H T và chị Lê Thị Hải Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng KL được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 159/15/HĐTC-BDS/0402-2419 ngày 23/07/2015 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết anh T và chị Y vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Hữu H1 và Phan Thị Tú Anh cùng thống nhất trình bày: Thừa nhận gia đình bao gồm ông T1, bà H có cho anh T và chị Y mượn giấy tờ đất để thế chấp vay Ngân hàng TMCP KL với số tiền vốn là 240.000.000 đồng. Nay gia đình yêu cầu Ngân hàng KL xem xét giảm lãi cho anh T và chị Y, đồng thời đề nghị cho gia đình trả dần theo khả năng hàng tháng, khi nào gia đình bán nhà đất được sẽ tất toán hết nợ cho Ngân hàng. Về tài sản thế chấp, trên đất có một căn nhà của Ông T1 và bà H xây cất trên 15 năm nay, từ khi thế chấp đến nay đất và tài sản gắn liền với đất không phát sinh thay đổi gì

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kiểm sát viên đã xem xét, phân tích đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Từ đó, kiểm sát viên cho rằng, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với anh Phan H T và chị Lê Thị Hải Y về khoản nợ theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với khoản lãi phạt chậm trả lãi tại phiên tòa nguyên đơn đã rút lại yêu cầu nên đề nghị tòa ghi nhận và đình chỉ giải quyết nội dung này của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí và chi tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã được ký kết. Vì vậy, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng; khoản 3, 9 Điều 26, 35, và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phan H T và chị Lê Thị Hải Y vắng mặt mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định chung tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án

Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tuy phía bị đơn vắng mặt không đối chiếu được các khoản nợ giữa nguyên đơn và bị đơn, nhưng xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp cùng với lời thừa nhận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H1 và chị Tú Anh có cơ sở khẳng định rằng anh T và chị Y vào ngày 24/07/2015 có vay vốn tại Ngân hàng KL theo Hợp đồng tín dụng số 159/15/HĐTD/0402-2419 ngày 23/07/2015 với số tiền vốn vay là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Để đảm bảo khoản nợ vay, hộ ông T1 đã đồng ý thế chấp cho nguyên đơn Quyền sử dụng đất số vào sổ: CH02725, do UBND Quận Ô cấp ngày 04/09/2012; Diện tích: 897m²; Thửa đất số: 669, Tờ bản đồ số: 02; Tọa lạc tại địa chỉ: KV Thới Trinh A, phường Thới An, quận Ô, TP CT do Hộ ông Phan Văn T1 đứng tên sử dụng đất; Quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00070, do UBND Quận Ô cấp ngày 13/01/2010; Diện tích: 238m²; Thửa đất số: 668, Tờ bản đồ số:

02; Tọa lạc tại địa chỉ: KV Thới Trinh A, phường Thới An, quận Ô do Hộ Ông Phan Văn T1 đứng tên sử dụng đất.

Quá trình vay vốn, bên anh T và chị Y không thực hiện theo như cam kết trả nợ mặc dù anh T và chị Y có cam kết nhiều lần.

Từ những vấn đề trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên đối với khoản lãi phạt chậm trả lãi tại phiên tòa nguyên đơn đã rút lại yêu cầu nên cần ghi nhận và đình chỉ giải quyết nội dung này của nguyên đơn. Như vậy, cần buộc anh T chị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL tạm tính đến ngày 28/9/2022, bao gồm vốn gốc + lãi trong hạn + lãi quá hạn, tổng cộng: 527.816.894 đồng cùng với lãi suất phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 29/9/2022 đến khi thanh toán xong nợ. Nếu anh T và chị Y không thực hiện trả đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng được yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát: Xét thấy, quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có đầy đủ căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nội dung phân tích của nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ theo đề nghị.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, án phí được xác định như sau:

- Buộc anh T và chị Y phải nộp: 25.112.676 đồng

[5] Về chi phí tố tụng: 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Buộc anh T và chị Y phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng:

+ Khoản 3, 9 Điều 26, 35, 39, 217, 228 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

+ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Phan H T và chị Lê Thị Hải Y phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL tính đến ngày 28/9/2022, tổng cộng: 527.816.894 đồng (trong đó vốn 240.000.000 đồng, lãi trong hạn 44.580.613 đồng, lãi quá hạn 243.236.281 đồng). Kể từ ngày 29/9/2022, ông T và bà Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Hợp đồng tín dụng

các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (không áp dụng đối với khoản lãi suất chậm trả lãi)

Nếu, anh T và chị Y không trả đủ số nợ trên, thì Ngân hàng TMCP KL được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất theo GCN số BI 274777, số vào sổ: CH02725, do UBND Quận Ô, TP CT cấp ngày 04/09/2012; Diện tích: 897m²; Thửa đất số: 669, Tờ bản đồ số: 02; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; Tọa lạc tại địa chỉ: khu vực Thới T, phường TA, quận Ô, TP CT, chủ sử dụng là Hộ ông Phan Văn T1.

- Quyền sử dụng đất theo GCN số BA 083353, số vào sổ: CH00070, do UBND Quận Ô, TP CT cấp ngày 13/01/2010; Diện tích: 238m²; Thửa đất số: 668, Tờ bản đồ số: 02; Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị, đất trồng cây lâu năm; Tọa lạc tại địa chỉ: KV Thới T, phường TA, quận Ô, TP CT, chủ sử dụng là Hộ ông Phan Văn T1.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bị đơn thanh toán khoản lãi phạt chậm trả lãi của nguyên đơn.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc anh T và chị Y phải nộp: 25.112.676 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm mười hai ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng)

- Ngân hàng TMCP KL được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **12.466.000 đồng** theo Biên lai thu số 0003256 ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố CT

4. Về chi phí tố tụng: Buộc anh T và chị Y phải hoàn trả lại cho nguyên đơn 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại tòa, kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hoặc bản án đã được niêm yết theo luật định

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. CT;
- VKSND TP. CT;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THA Q. Ô;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Trần Văn Mẫn

